

TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HK2 – NĂM HỌC 2025-2026

MÔN TIN HỌC LỚP 11

A. CẤU TRÚC ĐỀ THI

Gồm 3 phần:

1. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn. 30%
2. Trắc nghiệm Đúng/ Sai. 40%
3. Tự luận. 30%

B. NỘI DUNG ÔN TẬP

B.1. LÝ THUYẾT

I. Chủ đề F. giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính giới thiệu các hệ cơ sở dữ liệu

1. Bảng và khóa chính trong CSDL quan hệ.

- Diễn đạt được khái niệm quan hệ (bảng) và khóa của một quan hệ. Giải thích được các khái niệm qua ví dụ đó.
- Giải thích được ràng buộc khóa là gì.
- Biết được các phần mềm quản trị CSDL có cơ chế kiểm soát các cập nhật dữ liệu để đảm bảo ràng buộc khóa.

2. Quan hệ giữa các bảng và khóa ngoài trong CSDL quan hệ.

- Diễn đạt được khái niệm khóa ngoài của một bảng và mối liên kết giữa các bảng. Giải thích được các khái niệm đó qua ví dụ minh họa.
- Giải thích ràng buộc khóa ngoài là gì.
- Biết được các phần mềm quản trị CSDL có cơ chế kiểm soát các cập nhật dữ liệu để đảm bảo ràng buộc khóa ngoài.

3. Các biểu mẫu cho xem và cập nhật dữ liệu.

- Diễn đạt được khái niệm biểu mẫu trong các CSDL và ứng dụng CSDL.
- Giải thích được những ưu điểm khi người dùng xem và cập nhật dữ liệu cho CSDL thông qua biểu mẫu.

4. Truy vấn trong CSDL quan hệ.

- Diễn đạt được khái niệm truy vấn CSDL.
- Giải thích được cấu trúc cơ bản SELECT...FROM...WHERE... của câu lệnh SQL
- Nêu được một vài ví dụ minh họa việc dùng truy vấn để tổng hợp, tìm kiếm dữ liệu trên một bảng.

5. Truy vấn trong CSDL quan hệ (tiếp theo).

- Đưa ra được một vài ví dụ minh họa cho việc dùng truy vấn để tổng hợp, tìm kiếm dữ liệu trên hơn một bảng.

II. Chủ đề F^{ICT}. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính - Thực hành tạo và khai thác cơ sở dữ liệu.

1. Tạo và sử dụng biểu mẫu.

- Phân biệt được “có kết buộc với bảng CSDL” và “không kết buộc”.
- Tạo được một số loại biểu mẫu thường dùng nhất.
- Sử dụng được biểu mẫu để nhập dữ liệu.

2. Thiết kế truy vấn.

- Tạo và sử dụng các truy vấn để tìm kiếm và kết xuất thông tin từ CSDL.

- Góp phần giải thích tính ưu việt của việc quản lý dữ liệu một cách khoa học nhờ ứng dụng CSDL.

3. Tạo báo cáo đơn giản.

- Thực hiện được việc kết xuất thông tin từ CSDL.
- Tìm hiểu được thêm một vài chức năng của hệ quản trị CSDL.

B.2. TỰ LUẬN

- Xác định được khóa chính của một bảng trong CSDL.
- Xác định được khóa chính và khóa ngoài trong một quan hệ. Cho ví dụ về vi phạm ràng buộc khóa ngoài của một hệ CSDL.
- Viết được một vài lệnh SQL truy vấn để tổng hợp, tìm kiếm dữ liệu trên một bảng hoặc nhiều bảng
- Sử dụng ngôn ngữ QBE để truy vấn dữ liệu trên một bảng hoặc nhiều bảng.

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II, NĂM HỌC: 2025 - 2026
MÔN TIN HỌC, LỚP 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỉ lệ % (điểm)
			TNKQ nhiều lựa chọn			TNKQ đúng – sai			Tự luận/thực hành						
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Chủ đề F. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính. Giới thiệu các hệ cơ sở dữ liệu.	1. Bảng và khóa chính trong CSDL quan hệ.	1 MC(1)	1 MC (2)								1	1		5% (0,5đ)
		2. Quan hệ giữa các bảng và khóa ngoài trong CSDL quan hệ.				2 YN (1a,b)	2 YN(1c,d)					2	2		10% (1,0đ)
		3. Các biểu mẫu cho xem và cập nhật dữ liệu.	1 MC(3)	1 MC (4)							4 ES1	1	1	4	15% (1,5đ)
		4. Truy vấn trong CSDL quan hệ.				3 YN(2a,2b,c)	1 YN(2d)				4 ES2	3	1	4	20% (2,0đ)
		5. Truy vấn trong CSDL quan hệ (tiếp theo).	1 MC(7)	1 MC(6)							4 ES3	1	1	4	15% (1,5đ)
2	Chủ đề F ^{ICT} . Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính. Thực hành tạo và khai thác cơ sở dữ liệu.	1. Tạo và sử dụng biểu mẫu.				2 YN (3a,b)	2 YN(3c,d)					2	2		10% (1.0đ)
		2. Thiết kế truy vấn.	1 MC(9)	1 MC(10)		3 YN(2a,2b,c)	1 YN(2d)					4	2		1.5% (1.5đ)
		3. Tạo báo cáo đơn giản.	2 MC(11)	2 MC(12)								2	2		10% (1.0đ)
Tổng số câu			6	6		10	6				12	16	12	12	40
Tổng số điểm			1.5	1.5		2.5	1.5				3	4.0	3.0	3.0	10
Tỉ lệ %			30			40			30			40	30	30	100

ĐỀ MINH HỌA 1

KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 - NĂM HỌC 2025-2026 MÔN TIN HỌC LỚP 11

PHẦN I. Câu trắc nghiệm có nhiều phương án lựa chọn. (3 điểm) Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Chọn một phương án đúng.

Câu 1. CSDL quan hệ là gì?

- A) Một bảng chứa thông tin dữ liệu.
- B) Một hệ thống lưu trữ các tệp tin dữ liệu.
- C) Một tập hợp các bảng dữ liệu có liên quan với nhau.**
- D) Một giao diện người dùng để truy xuất dữ liệu.

Câu 2. Chọn phát biểu đúng về khóa của một bảng? Khóa của một bảng là tập hợp gồm một hay một số trường:

- A) Giúp mã hóa dữ liệu để bảo mật.
- B) Xác định quan hệ giữa các bảng dữ liệu.
- C) Định nghĩa các truy vấn dữ liệu phức tạp.
- D) Cho phép xác định duy nhất một bản ghi trong bảng.**

Câu 3. Để tạo biểu mẫu, trước đó phải chọn dữ liệu nguồn từ các đối tượng nào?

- A. Bảng và báo cáo.
- B. Bảng hoặc mẫu hỏi.**
- C. Mẫu hỏi hoặc báo cáo.
- D. Mẫu hỏi hoặc biểu mẫu.

Câu 4. Theo em biểu mẫu dưới đây lấy nguồn dữ liệu từ mấy bảng, biết rằng CSDL Quản lý thư viện gồm các bảng: Sách (Mã sách, Tên sách, Số trang, Tác giả); Bạn đọc (Số thẻ TV, Họ và tên, Lớp); Mượn – trả (Số thẻ TV, Mã sách, Ngày mượn, Ngày trả)?

Số thẻ TV	Họ và tên	Mã sách	Tên sách	Ngày mượn	Ngày trả
HS-002	Lê Bình	TH-01	AI-Trí tuệ nhân tạo	14/10/2022	21/10/2022
HS-001	Trần Văn An	AN-01	Âm nhạc ở quanh ta	02/10/2022	9/10/2022
HS-003	Hà Thị Mai	AN-01	Âm nhạc ở quanh ta	14/10/2022	
HS-001	Trần Văn An	TH-02	AI-Trí tuệ nhân tạo	15/10/2022	27/10/2022
HS-003	Hà Thị Mai	TO-01	Sáng tạo Toán học	15/10/2022	25/10/2022

- A. 3**
- B. 2
- C. 5
- D. 1

Câu 5. Cho Bảng điểm môn Tin có các trường Mã HS, Họ và Tên, Giữa kì, Cuối kì. Để tìm những học sinh có điểm giữa kì trên 7 và cuối kì trên 5, mệnh đề Where của lệnh SQL nào sau đây là đúng?

- A. WHERE Giữa kì > 7 AND Cuối kì > 5
- B. WHERE ([Giữa kì] > 7) AND ([Cuối kì]>5)**
- C. WHERE [Giữa kì] > 7 OR [Cuối kì]>5
- D. WHERE ([Giữa kì] > "7") AND ([Cuối kì]>"5")

Câu 6. Trong câu lệnh SQL truy vấn dữ liệu từ nhiều bảng khác nhau, từ khóa INNER JOIN được viết trong mệnh đề nào?

- A. SELECT.
- B. FROM.**
- C. WHERE.

D. ORDER.

Câu 7. Trong Access, để thiết kế truy vấn đơn giản, thực hiện lệnh gì?

A. Create\Table.

B. Create\Query Wizard.

C. Create\Query Design.

D. Create\From Wizard.

Câu 8. Trong Access, khi tạo mẫu hỏi bằng ngôn ngữ QBE, người thủ thư thực hiện như hình sau:

Field:	Mã sách	Tên sách	Sẵn có	Ngày trả	Số thẻ
Table:	Sách	Sách	Sách	Mượn-Trả	Mượn-Trả
Sort:					
Show:	☒	☒	☒	☒	☒
Criteria:	"VH-01"				
or:					

Hãy cho biết người thủ thư cần truy vấn thông tin gì?

A. Kiểm tra cuốn sách có mã “VH-01” có trong kho hay không.

B. Tìm mã sách, tên sách, tình trạng sẵn có, số thẻ bạn đọc và ngày trả cuốn sách có mã “VH-01”.

C. Tìm tên và tình trạng sẵn có của cuốn sách có mã là “VH-01”.

D. Tìm thông tin các bạn đọc đã trả cuốn sách có mã là “VH-01”.

Câu 9. Thao tác nào dùng để tạo một báo cáo và cho phép lựa chọn tùy biến theo yêu cầu?

A. CreateReport Wizard.

B. CreateForm Wizard.

C. Create\Query Design.

D. Create\Table Wizard.

Câu 10. Trong thực hành tạo báo cáo, cho biết hình ảnh dưới đây thực hiện việc gì?

A. Chọn bảng hoặc truy vấn làm nguồn dữ liệu cơ sở cho báo cáo.

B. Chọn các trường cần báo cáo.

C. Chọn gộp nhóm theo trường dữ liệu.

D. Chọn một bài trí cơ sở cho báo cáo.

Câu 11. Đây là một trong những thông tin cần thiết khi tạo báo cáo đơn giản?

A. Tên người tạo báo cáo

B. Các trường dữ liệu cần thiết cho báo cáo

C. Mức độ bảo mật của báo cáo

D. Ngày giờ tạo báo cáo

Câu 12 Truy vấn chuẩn bị dữ liệu cần thiết cho báo cáo phải được thiết kế như thế nào?

A. Sắp xếp dữ liệu theo thứ tự ngẫu nhiên

B. Sắp xếp dữ liệu theo yêu cầu của báo cáo

C. Không cần thiết kế truy vấn trước

D. Chỉ cần chọn tất cả các trường trong bảng

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. (4 điểm) Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. (11F, Chung, D2, B-B-H-V, NLc) Trong giờ thực hành tạo lập cơ sở dữ liệu và bảng, cô giáo cho học sinh tạo một cơ sở dữ liệu bao gồm các bảng sau đây:

Lớp (Mã Lớp, Tên Lớp)

Học Sinh (Mã Số, Họ Tên, Mã Lớp)

Một số bạn học sinh đưa ra các nhận xét sau:

a) Để thêm học sinh có mã số 123 vào bảng Học Sinh, với mã lớp “12A”, cần đảm bảo rằng mã số 123 chưa tồn tại trong trường Mã Số và mã lớp “12A” phải có trong trường Mã Lớp của bảng Lớp.

(Đ-Hiểu)

b) Kết quả của lệnh SELECT [Họ Tên] FROM [Học Sinh] WHERE [Mã Số] = “123” chỉ hiển thị hai cột là Mã Số và Họ Tên. **(S-Biết)**

c) Để in danh sách học sinh gồm các cột Mã số, Họ tên và Tên lớp, cần sử dụng đồng thời thông tin từ cả hai bảng Học Sinh và Lớp. **(Đ-Biết)**

d) Để tìm lớp có mã số “12A”, cần tìm mã lớp này trong trường Mã Lớp của bảng Học Sinh. **(S-Biết)**

Câu 2. (2B-1H-1V) Cho CSDL **QuanLyNhanVien.accdb**, gồm các bảng sau:

Bảng Nhan Vien:

Ma NhanVien	Ho Ten	Ngay Sinh	Chuc Vu	Luong	Ma PhongBan
NV001	Nguyễn A	1985-06-15	Quản lý	12000000	PB01
NV002	Trần B	1990-03-22	Nhân viên	8000000	PB02

Bảng Phong Ban:

Ma PhongBan	Ten PhongBan
PB01	Phòng Kinh Doanh
PB02	Phòng Hành Chính

Trong quá trình tìm hiểu và thảo luận về cơ sở dữ liệu trên, nhóm đã đưa ra một số nhận định quan trọng như sau:

a) Bảng Nhan vien chứa thông tin về các nhân viên. **(Đ, B)**

b) Bảng Phong ban được sử dụng để lưu trữ thông tin về các phòng ban trong công ty. **(Đ, B)**

c) Trong bảng Nhan Vien, trường Ho Ten là khóa chính (Primary Key). **(S, H)**

d) Trong cơ sở dữ liệu **QuanLyNhanVien.accdb**, trường Ho Ten trong bảng Nhan Vien dùng để liên kết nhân viên với phòng ban của họ. **(S, H)**

Câu 3. Ràng buộc khóa ngoài trong cơ sở dữ liệu quan hệ đảm bảo điều gì?

a) Mọi giá trị khóa ngoài trong bảng tham chiếu đều phải xuất hiện trong bảng được tham chiếu **(Đ_B)**

b) Không cần thiết phải kiểm tra tính hợp lệ của dữ liệu **(S-B)**

c) Mọi bản ghi trong bảng được tham chiếu phải có giá trị khóa ngoài **(S-H)**

d) Cho phép giá trị khóa ngoài không xuất hiện trong bảng được tham chiếu **(S-H)**

Câu 4. Trong thiết kế truy vấn Access, bước nào sau đây là không cần thiết khi tạo một truy vấn đơn giản?

a) Nhấp chuột chọn "Create Query Design". **(Đ-B)**

b) Chọn các bảng cần thiết từ hộp thoại "Show Table". **(Đ-B)**

c) Viết câu lệnh SQL thủ công cho truy vấn. **(S-H)**

d) Ghi lưu truy vấn với tên gọi dễ nhớ. **(Đ-H)**

PHẦN III. Tự luận (3 điểm)

Bài 1 (1đ). Biểu mẫu cho cập nhật dữ liệu nhằm tránh những lỗi nào?

Bài 2 (2 đ). Cho CSDL của một công ty có hai bảng sau:

Bảng NHÂN VIÊN

Mã NV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Địa chỉ	Lương
NV01	Lê Thị Công Nhân	12/05/1995	Nữ	Hải Châu, Đà Nẵng	10.000.000
NV02	Nguyễn Văn Nông Dân	10/10/1998	Nam	Cẩm Lệ, Đà Nẵng	8.000.000
NV03	Hoàng Công Nông	12/09/1999	Nam	Liên Chiểu, Đà Nẵng	7.000.000
...	...	...	...	...	...

Bảng CHẤM CÔNG

Mã NV	Số ngày nghỉ	Số ngày phép
NV01	23	5
NV02	10	0
NV03	15	1
...	...	...

Em hãy thực hiện các yêu cầu sau:

a. Viết câu lệnh SQL để tìm họ tên và địa chỉ của tất cả nam nhân viên có lương trên 10 triệu đồng?

b. Điền vào lưới QBE sau để thực hiện truy vấn tìm họ tên của những nhân viên có số ngày nghỉ lớn hơn 10?

Field				
Table				
Sort				
Show				
Criteria				

----- HẾT -----

ĐỀ MINH HỌA 2

KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 - NĂM HỌC 2025-2026 MÔN TIN HỌC LỚP 11

PHẦN I. Câu trắc nghiệm có nhiều phương án lựa chọn. (3 điểm) Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Chọn một phương án đúng.

Câu 1. Ràng buộc khóa trong cơ sở dữ liệu là gì?

- A) Quy tắc quản lý quan hệ giữa các bảng dữ liệu.
- B) Một kiểu dữ liệu đặc biệt dùng để lưu trữ khóa.
- C) Không làm hai bản ghi có giá trị khóa giống nhau.**
- D) Quy định giá trị tối thiểu và tối đa cho khóa của bảng.

Câu 2. Trong CSDL có bảng Bản nhạc (Id_Bản_nhạc, Tên_Bản_nhạc, Id_Nhạc_sĩ). Phương án nào sau đây chỉ ra đúng khóa chính của bảng Bản nhạc?

- A. Id_Nhạc_sĩ.
- B. Id_Bản_nhạc.**
- C. Tên_Bản_nhạc.
- D. Tên_Nhạc_sĩ.

Câu 3. Chọn phát biểu **SAI** khi nói về mục đích của việc thiết kế biểu mẫu?

- A. Hiển thị dữ liệu trong bảng dưới dạng phù hợp để xem.
- B. Cung cấp một khuôn dạng thuận tiện để nhập và sửa dữ liệu.
- C. Cung cấp các nút lệnh để người dùng có thể sử dụng, thông qua đó thực hiện một số thao tác với dữ liệu.
- D. Đề xuất các báo cáo khi cần thiết.**

Câu 4. Biểu mẫu có thể hiển thị dữ liệu từ bao nhiêu bảng khác nhau?

- A. Chỉ từ một bảng.
- B. Tối đa từ hai bảng.
- C. Không giới hạn số bảng.**
- D. Chỉ từ bảng chứa khoá chính.

Câu 5. Hãy cho biết ngôn ngữ truy vấn CSDL nào phổ biến nhất hiện nay?

- A. SQL.**
- B. Python.
- C. Pascal.
- D. HTML.

Câu 6. Kết quả của câu truy vấn SQL sau là gì?

```
SELECT [Họ và tên], [Lương], [Trợ cấp]
FROM [KT_LUONG]
WHERE ([Lương] < 7000000)
```

- A. Lấy ra từ bảng KT_LUONG các bản ghi thỏa mãn điều kiện (Lương < 7000000), chỉ hiển thị các trường Họ và tên, Lương, Trợ cấp của những bản ghi này.**
- B. Hiển thị giá trị của các trường Họ và tên, Lương, Trợ cấp trong bảng KT_LUONG.
- C. Hiển thị những bản ghi có giá trị trường Lương chưa đến 7000000 trong bảng KT_LUONG.
- D. Lấy ra từ bảng KT_LUONG các bản ghi liên tiếp thỏa mãn điều kiện (Lương < 7000000), chỉ hiển thị các trường Họ và tên, Lương, Trợ cấp của những bản ghi này.

Câu 7. Khi xây dựng các truy vấn trong Access, để sắp xếp các trường trong mẫu hỏi, ta nhập cách sắp xếp vào dòng nào trong lưới QBE?

- A. Criteria
- B. Show
- C. Sort**
- D. Field

Câu 8. Em hãy sắp xếp các bước sau đây nhằm thiết kế truy vấn SELECT đơn giản?

- (1) Nháy chọn  để hiển thị kết quả truy vấn trong khung nhìn bảng dữ liệu.
- (2) Hộp thoại Show Table xuất hiện. Nháy chuột chọn tên bảng\Add\Close.
- (3) Vùng làm việc thiết kế truy vấn sẽ mở ra, thiết lập các thông số phù hợp cho các dòng trong lưới QBE.
- (4) Nháy chuột chọn Create\Query Design.

A. (3) – (2) – (4) – (1)

C. (1) – (2) – (3) – (4)

B. (2) – (3) – (4) – (1)

D. (4) – (2) – (3) – (1)

Câu 9. Mục đích xây dựng báo cáo là gì?

A. Khâu quan trọng đầu tiên bắt đầu việc kết xuất thông tin từ CSDL phục vụ người dùng

B. Khâu quan trọng cuối cùng hoàn tất việc kết xuất thông tin từ CSDL phục vụ người dùng.

C. Mỗi khi người quản trị CSDL cần kiểm soát quyền truy cập CSDL, phải tạo báo cáo.

D. Mỗi khi thông tin mới nhất cần được cập nhật, ta phải tạo báo cáo.

Câu 10. Chọn phát biểu đúng khi nói về tính năng của báo cáo?

A. Người xem báo cáo không sửa đổi được các mục dữ liệu.

B. Người xem báo cáo sửa đổi được các mục dữ liệu.

C. Khi thiết kế báo cáo, không sử dụng được hàm tính toán như (sum, max, min, avg) để thống kê dữ liệu.

D. Sau khi tạo xong báo cáo, không thể thiết kế lại để thay đổi kiểu trình bày của báo cáo.

Câu 11. Trong quy trình tạo báo cáo, bước nào là bước đầu tiên?

A. Chọn nguồn dữ liệu cho báo cáo

B. Nhập tên báo cáo

C. Gộp nhóm dữ liệu

D. Chọn các trường dữ liệu cần báo cáo

Câu 12. Khi nào thì cần sử dụng nhóm trong báo cáo?

A. Khi chỉ cần hiển thị tất cả các bản ghi

B. Khi cần tổng hợp số liệu theo từng nhóm bản ghi

C. Khi không cần phân loại dữ liệu

D. Khi không có yêu cầu nào đặc biệt

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. (4 điểm) Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. (11F, Chung, D2, B-B-H-V, NLc) Trong giờ thực hành tạo lập cơ sở dữ liệu và bảng, cô giáo cho học sinh tạo một cơ sở dữ liệu bao gồm các bảng sau đây:

Lớp (Mã Lớp, Tên Lớp)

Học Sinh (Mã Số, Họ Tên, Mã Lớp)

Một số bạn học sinh đưa ra các nhận xét sau:

a) Trong mối liên kết giữa hai bảng, chọn trường Mã số là khóa ngoài của bảng Học sinh, Mã lớp là khóa chính của bảng Lớp. **(S-Hiếu)**

b) Lệnh SELECT [Họ Tên], [Tên Lớp] FROM [Lớp] WHERE [Mã Số] = "123" để hiển thị họ tên, lớp của học sinh có mã số "123". **(S-V)**

c) Để in danh sách học sinh gồm các cột Mã số, Họ tên và Tên lớp, cần sử dụng đồng thời thông tin từ cả hai bảng Học Sinh và Lớp. **(Đ-B)**

d) Hai bảng trên có mối quan hệ với nhau thông qua trường Mã lớp. **(Đ-Biết)**

Câu 2. (2B-1H-1V) Cho CSDL **QuanLyNhanVien.accdb**, gồm các bảng sau:

Bảng Nhan Vien:

Ma NhanVien	Ho Ten	Ngay Sinh	Chuc Vu	Luong	Ma PhongBan
NV001	Nguyễn A	1985-06-1 5	Quản lý	1200000 0	PB01
NV002	Trần B	1990-03-2 2	Nhân viên	8000000	PB02

Bảng Phong Ban:

Ma PhongBan	Ten PhongBan
PB01	Phòng Kinh Doanh
PB02	Phòng Hành Chính

Trong quá trình tìm hiểu và thảo luận về cơ sở dữ liệu trên, nhóm đã đưa ra một số nhận định quan trọng như sau:

- Mối quan hệ giữa hai bảng Phong Ban và Nhan vien là mối quan hệ 1-1. (S, B)
- Trong bảng Nhan Vien, trường Ho Ten là khóa chính (Primary Key). (S, B)
- Để tìm Họ tên, Ngày sinh, Chức vụ, Lương của các nhân viên thuộc phòng Kinh doanh, cần truy vấn dữ liệu từ hai bảng. (Đ,H)
- Trong cơ sở dữ liệu QuanLyNhanVien.accdb, trường Ho Ten trong bảng Nhan Vien dùng để liên kết nhân viên với phòng ban của họ. (S, V)

Câu 3. Dư thừa dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quan hệ có thể gây ra vấn đề gì?

- Dữ liệu không nhất quán khi cập nhật (Đ-B)
- Dữ liệu luôn chính xác và dễ quản lý (S-B)
- Tăng tính an toàn cho dữ liệu (S-H)
- Không ảnh hưởng đến hiệu suất của cơ sở dữ liệu (S-H)

Câu 4. Khi thực hiện truy vấn có tham số trong Access, bạn cần làm gì để người sử dụng có thể nhập dữ liệu?

- Viết câu lệnh SQL đầy đủ với các giá trị cố định. (S-B)
- Để trống ô nhập liệu trong thiết kế truy vấn.(S-B)
- Sử dụng cặp ngoặc vuông để tạo lời nhắc cho tham số.(Đ-H)
- Không cần làm gì, truy vấn sẽ tự động hiển thị tất cả các bản ghi.(S-H)

PHẦN III. Tự luận (3 điểm.)

Bài 1 (1 đ). Tại sao biểu mẫu cho xem dữ liệu không cho phép người dùng sửa đổi dữ liệu?

Bài 2 (2 đ). Cho CSDL của một công ty có hai bảng sau:

Bảng NHÂN VIÊN

Mã NV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Địa chỉ	Lương
NV01	Lê Thị Công Nhân	12/05/1995	Nữ	Hải Châu, Đà Nẵng	10.000.000
NV02	Nguyễn Văn Nông Dân	10/10/1998	Nam	Cẩm Lệ, Đà Nẵng	8.000.000
NV03	Hoàng Công Nông	12/09/1999	Nam	Liên Chiểu, Đà Nẵng	7.000.000
...	...	...	...	...	...

Bảng CHẤM CÔNG

Mã NV	Số ngày công	Số ngày phép
NV01	23	5
NV02	10	0
NV03	15	1
...	...	...

Em hãy thực hiện các yêu cầu sau:

- a. Viết câu lệnh SQL để tìm họ tên và địa chỉ của tất cả nhân viên có số ngày phép bằng 0?
- b. Điền vào lưới QBE sau để thực hiện truy vấn tìm họ tên, ngày sinh của những nữ nhân viên, sắp xếp dữ liệu của họ tên theo chiều tăng dần?

Field				
Table				
Sort				
Show				
Criteria				

----- **HẾT** -----

